

## PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA THỦY SẢN

*(Ban hành theo Quyết định số 570/QĐ-TCTK ngày 25 tháng 7 năm 2018  
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

### 1. Mục đích, yêu cầu điều tra

#### 1.1. Mục đích điều tra

Cuộc điều tra thu thập thông tin cơ bản phản ánh kết quả hoạt động sản xuất thủy sản trên phạm vi cả nước nhằm phục vụ việc tính toán các chỉ tiêu thống kê cấp quốc gia, cấp tỉnh của ngành thủy sản; đáp ứng yêu cầu quản lý, lập kế hoạch, quy hoạch, hoạch định các chính sách phát triển sản xuất thủy sản của các cấp, các ngành và nhu cầu thông tin của các đối tượng dùng tin khác.

#### 1.2. Yêu cầu điều tra

Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu cuộc điều tra phải được thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra;

Đảm bảo thông tin điều tra đầy đủ, kịp thời, chính xác, phù hợp với điều kiện thực tế và có tính khả thi;

Quản lý và sử dụng kinh phí cuộc điều tra bảo đảm đúng chế độ hiện hành.

### 2. Phạm vi, đối tượng, đơn vị điều tra

#### 2.1. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra được thực hiện ở tất cả các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) có nuôi trồng, khai thác thủy sản trong kỳ điều tra thuộc các loại hình kinh tế.

*(Danh sách các tỉnh thực hiện điều tra 01 kỳ hoặc 02 kỳ trong năm được thể hiện trong phụ lục số II).*

#### 2.2. Đối tượng điều tra

Đối tượng điều tra là các loại thủy sản (cá, tôm, thủy sản khác) được nuôi trồng, khai thác của các đơn vị điều tra.

### **2.3. Đơn vị điều tra**

- Các thôn, ấp, bản (gọi chung là thôn) khu vực nông thôn có hoạt động nuôi trồng thủy sản thuộc các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;
- Các phường, thị trấn khu vực thành thị có diện tích nuôi trồng thủy sản từ 0,2 ha trở lên thuộc các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;
- Các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) có hoạt động nuôi trồng thủy sản hoặc khai thác thủy sản biển thuộc các tỉnh ngoài khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác có nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống thủy sản;
- Các hộ nuôi trồng và khai thác thủy sản<sup>1</sup>;

### **3. Loại điều tra**

Cuộc điều tra thực hiện kết hợp giữa điều tra toàn bộ với điều tra chọn mẫu tương ứng từng kỳ điều tra.

#### **3.1. Kỳ điều tra 01/6**

##### **(1) Điều tra toàn bộ**

- Các thôn có nuôi thủy sản khu vực nông thôn thuộc các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Các phường, thị trấn khu vực thành thị có diện tích nuôi trồng thủy sản từ 0,2 ha trở lên thuộc các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;
- Các xã có nuôi thủy sản thuộc các tỉnh ngoài vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Các xã có khai thác thủy sản biển thuộc 28 tỉnh ven biển và Long An;
- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác có hoạt động nuôi trồng thủy sản và sản xuất giống thủy sản.

##### **(2) Điều tra chọn mẫu**

Điều tra chọn mẫu đối với hộ nuôi trồng thủy sản.

#### **3.2. Kỳ điều tra 01/12**

##### **(1) Điều tra toàn bộ**

- Các thôn có nuôi thủy sản khu vực nông thôn thuộc các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
- Các phường, thị trấn khu vực thành thị có diện tích nuôi trồng thủy sản từ 0,2 ha trở lên thuộc các tỉnh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long;
- Các xã có nuôi thủy sản thuộc các tỉnh ngoài vùng Đồng bằng sông Cửu Long;

---

<sup>1</sup> Hộ nuôi trồng thủy sản là hộ có diện tích thu hoạch sản phẩm trong kỳ; hộ khai thác thủy sản không bao gồm các hộ chuyên làm thuê;

- Các xã có khai thác thủy sản biển thuộc 28 tỉnh ven biển và Long An;
- Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác có hoạt động nuôi trồng thủy sản, sản xuất giống thủy sản.

## **(2) Điều tra chọn mẫu**

- Hộ nuôi trồng thủy sản;
- Hộ khai thác thủy sản nội địa (chỉ áp dụng đối với các tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long);
- Hộ khai thác thủy sản biển không sử dụng phương tiện cơ giới.

## **3.3. Kỳ điều tra tháng**

- Điều tra chọn mẫu tàu/thuyền khai thác thủy sản biển để thu thập thông tin về sản lượng thủy sản khai thác biển đại diện theo từng nhóm nghề gắn với nhóm công suất (nhóm nghề - công suất) của chuyến khai thác gần nhất.

- Điều tra chọn mẫu tàu/thuyền thu thập thông tin về tình hình hoạt động của tàu/thuyền để tính hệ số hoạt động của tàu/thuyền. Hệ số hoạt động của tàu là xác suất để một tàu/thuyền khai thác thủy sản của một nhóm nghề - công suất thực hiện khai thác thủy sản biển vào một ngày bất kỳ trong tháng.

## **Quy mô mẫu và phương pháp chọn mẫu trình bày chi tiết trong Phụ lục I.**

## **4. Thời điểm, thời gian và phương pháp điều tra**

### **4.1. Thời điểm điều tra**

Tùy theo từng nội dung điều tra, cuộc điều tra được thực hiện tại thời điểm 01/6, thời điểm 01/12 và các ngày trong tháng (đối với điều tra khai thác hải sản).

### **4.2. Thời kỳ thu thập thông tin**

- Đối với kỳ điều tra 01/6: Thời kỳ thu thập thông tin 6 tháng trước thời điểm điều tra, tính từ 01/12 năm trước đến 31/5 năm điều tra.

- Đối với kỳ điều tra 01/12: Thời kỳ thu thập thông tin 6 tháng, tính từ 01/6 đến 30/11 năm điều tra đối với các tỉnh thực hiện điều tra 02 kỳ/năm; thời kỳ thu thập thông tin 12 tháng, tính từ 01/12 năm trước đến 30/11 năm điều tra đối với các tỉnh thực hiện điều tra 01 kỳ/năm.

Riêng điều tra khai thác thủy sản nội địa và điều tra khai thác hải sản không dùng phương tiện cơ giới, thời kỳ thu thập thông tin 12 tháng, tính từ 01/12 năm trước đến 30/11 năm điều tra đối với các tỉnh thực hiện điều tra.

- Đối với kỳ điều tra tháng: Thời kỳ thu thập thông tin về sản lượng khai thác là thời gian đi biển của chuyến khai thác gần thời điểm điều tra nhất.

### **4.3. Thời gian điều tra**

- Điều tra kỳ 01/6 và 01/12: Thời gian thu thập thông tin tại địa bàn là 25 ngày (15 ngày trước thời điểm điều tra và 10 ngày từ thời điểm điều tra);
- Điều tra tháng: Thời gian thu thập thông tin rải đều các ngày trong tháng.

### **4.4. Phương pháp điều tra**

Áp dụng hai phương pháp dưới đây để thu thập thông tin:

#### **a) Thu thập số liệu trực tiếp**

Đối với đơn vị điều tra là hộ nuôi trồng, khai thác thủy sản; tàu/thuyền khai thác thủy sản biển: Điều tra viên đến gặp trực tiếp chủ hộ, chủ tàu/thuyền (hoặc người nắm được tình hình sản xuất nuôi trồng, khai thác thủy sản của hộ) để phỏng vấn và ghi phiếu điều tra.

Đối với đơn vị điều tra là xã, thôn: Điều tra viên đến gặp trực tiếp chủ tịch UBND xã, trưởng thôn hoặc người có trách nhiệm như cán bộ thống kê xã để phỏng vấn và ghi phiếu điều tra.

Đối với điều tra sản lượng khai thác thủy sản biển, trong kỳ điều tra, trường hợp tàu mẫu vẫn chưa cập bến, có thể tìm một tàu khác có cùng nghề khai thác và công suất tương đương đã về bến để thay thế.

Riêng đối với điều tra hoạt động tàu, nếu điều tra viên không liên lạc được với chủ tàu mẫu thì có thể khai thác qua các nguồn khác như người nhà của chủ tàu,... không được thay thế tàu mẫu đã chọn.

#### **b) Thu thập số liệu gián tiếp**

Đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khác, Chi cục Thống kê hướng dẫn kế toán của đơn vị phương pháp ghi phiếu, căn cứ vào hệ thống sổ sách kế toán của đơn vị và các tài liệu có liên quan để hoàn thiện phiếu điều tra và gửi phiếu đã điền đủ thông tin cho Chi cục Thống kê. Cán bộ Chi cục Thống kê có trách nhiệm kiểm tra và nghiệm thu phiếu.

## **5. Nội dung, phiếu điều tra**

### **5.1. Nội dung điều tra**

Cuộc điều tra thu thập các thông tin:

- Diện tích, thể tích nuôi trồng thủy sản chia theo loại mặt nước, loại thủy sản, hình thức nuôi trồng và phương thức nuôi trồng;
- Số lượng và công suất tàu/thuyền khai thác thủy sản biển;
- Số ngày hoạt động của tàu/thuyền khai thác biển;
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác;

- Số lượng con giống và số tiền bán giống thủy sản;
- Giá bán và doanh thu bán sản phẩm thủy sản đối với hoạt động nuôi trồng và khai thác thủy sản.

## **5.2. Phiếu điều tra**

Các loại phiếu điều tra được sử dụng trong cuộc điều tra này bao gồm:

- (1) Phiếu số 01A-6T.N/ĐTTS-XA,THON: Phiếu thu thập thông tin tình hình cơ bản về nuôi trồng và khai thác thủy sản nội địa của hộ trên địa bàn xã, thôn;
- (2) Phiếu số 01B-6T/ĐTTS-XA: Phiếu thu thập thông tin về tàu, thuyền khai thác thủy sản biển và số hộ khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện cơ giới trên địa bàn xã;
- (3) Phiếu số 02-6T.N/ĐTTS-DN,HTX: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi trồng thủy sản của doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác;
- (4) Phiếu số 03-6T.N/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi cá tra của hộ mẫu;
- (5) Phiếu số 04-6T.N/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi tôm sú của hộ mẫu;
- (6) Phiếu số 05-6T.N/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi tôm thẻ chân trắng của hộ mẫu;
- (7) Phiếu số 06-6T.N/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản trọng điểm của hộ mẫu;
- (8) Phiếu số 07-6T.N/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản còn lại của hộ mẫu;
- (9) Phiếu số 08-6T.N/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản trọng điểm lồng, bè của hộ mẫu;
- (10) Phiếu số 09-6T.N/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về kết quả hoạt động nuôi thủy sản còn lại lồng, bè của hộ mẫu;
- (11) Phiếu số 10/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về khai thác thủy sản nội địa của hộ mẫu;
- (12) Phiếu số 11/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện cơ giới của hộ mẫu;
- (13) Phiếu số 12A-T/ĐTTS: Phiếu thu thập thông tin về hoạt động tàu/thuyền khai thác thủy sản biển;
- (14) Phiếu số 12B-T/ĐTTS-HM: Phiếu thu thập thông tin về sản lượng khai thác thủy sản biển của hộ mẫu.

**- Kỳ điều tra tháng áp dụng phiếu mục (13), (14);**

- **Kỳ điều tra 01/6** áp dụng các loại phiếu mục: (1), (2), (3), (4), (5), (6), (7); (8); (9); (10);

- **Kỳ điều tra 01/12:** Ngoài các phiếu giống kỳ 01/6, bổ sung thêm 02 loại phiếu ở mục (11) và mục (12).

## **6. Phân loại thông kê sử dụng trong điều tra**

Cuộc điều tra sử dụng các bảng phân loại và danh mục sau:

(1) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

(2) Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/07/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;

(3) Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ (VCPA 2018) và được cập nhật theo Hệ thống phân ngành sản phẩm Việt Nam được ban hành mới nhất đến thời điểm điều tra.

(4) Danh mục nghề khai thác thủy sản biển: Thông tư số 25/2013/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển.

## **7. Quy trình xử lý và biểu đầu ra của điều tra**

### **7.1. Phương pháp xử lý thông tin**

Kết thúc thu thập thông tin, các loại phiếu điều tra được gửi về Chi cục Thống kê kiểm tra, làm sạch, đánh mã. Cục Thống kê trực tiếp nghiệm thu số lượng, chất lượng theo từng loại phiếu điều tra.

Phiếu điều tra sau đó được nhập tin tại Chi cục Thống kê hoặc Cục Thống kê trên một chương trình phần mềm thống nhất do Tổng cục Thống kê xây dựng.

Cục Thống kê gửi toàn bộ cơ sở dữ liệu điều tra, báo cáo phân tích, biểu tổng hợp về Tổng cục Thống kê.

### **7.2. Tổng hợp và suy rộng kết quả điều tra**

#### **7.2.1. Tổng hợp kết quả điều tra toàn bộ**

- Tổng hợp thông tin về diện tích nuôi trồng thủy sản, diện tích thu hoạch thủy sản theo từng huyện và phân theo loại hình kinh tế từ phiếu điều tra số 01A-6T.N/ĐTTS-XA, THON và phiếu điều tra số 02-6T.N/ĐTTS-DN,HTX;

- Tổng hợp thông tin về kết quả hoạt động sản xuất giống thủy sản theo từng huyện và phân theo loại hình kinh tế từ phiếu điều tra số 01A-6T.N/ĐTTS-XA, THON và phiếu điều tra số 02-6T.N/ĐTTS-DN,HTX;

- Tổng hợp thông tin về sản lượng thủy sản nuôi trồng của các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có hoạt động nuôi trồng thủy sản cho thu hoạch sản phẩm trong kỳ điều tra từ phiếu điều tra số 02-6T.N/ĐTTS-DN,HTX;

- Tổng hợp thông tin về tàu/thuyền khai thác thủy sản biển phân theo nghề, nhóm công suất theo từng huyện từ phiếu điều tra số 01B-6T.N/ĐTTS-XA.

### 7.2.2. Suy rộng kết quả điều tra

Các thông tin điều tra mẫu được suy rộng và tổng hợp theo cấp tỉnh.

**a) Đối với thủy sản nuôi theo loại hình ao; nuôi đăng quảng/vèo; nuôi trong ruộng lúa và nuôi khác.**

#### (1) Suy rộng sản lượng thủy sản trọng điểm

Thông tin điều tra mẫu suy rộng cho từng loại thủy sản trọng điểm nuôi trồng theo từng hình thức nuôi và phương thức nuôi như: nuôi ao (thâm canh, bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến); nuôi đăng quảng/vèo; nuôi trong ruộng lúa và nuôi khác.

- Tính năng suất thu hoạch bình quân của mẫu điều tra theo loại thủy sản trọng điểm:

$$\bar{x}_i = \frac{\sum_{j=1}^n s_{ij}}{\sum_{j=1}^n d_{ij}} \times 10 \quad (\text{tấn/ha})$$

*Trong đó:*

$\bar{x}_i$ : Năng suất thu hoạch bình quân 1 ha đối với thủy sản trọng điểm i của mẫu điều tra (đơn vị tính: tấn/ha);

$s_{ij}$ : Sản lượng thu hoạch thủy sản trọng điểm i của hộ mẫu j (đơn vị tính: kg);

$d_{ij}$ : Diện tích thu hoạch thủy sản trọng điểm i của hộ mẫu j (đơn vị tính: m<sup>2</sup>).

- Suy rộng sản lượng thủy sản trọng điểm i nuôi trồng của toàn tỉnh:

$$S_i = \bar{x}_i * D_i \quad (\text{tấn})$$

*Trong đó:*

$S_i$ : Sản lượng thủy sản trọng điểm i nuôi trồng của toàn tỉnh (đơn vị tính: tấn);

$D_i$ : Diện tích thu hoạch thủy sản trọng điểm i của toàn tỉnh (đơn vị tính: ha);

**Lưu ý:** Đối với loại thủy sản trọng điểm của tỉnh, diện tích thu hoạch ( $D_i$ ) được xác định là:

- Diện tích thu hoạch loại thủy sản trọng điểm của vùng trọng điểm nếu phạm vi điều tra là vùng trọng điểm;

- Diện tích thu hoạch loại thủy sản trọng điểm của toàn tỉnh nếu phạm vi điều tra là toàn tỉnh.

## (2) Suy rộng theo nhóm thủy sản

Thông tin điều tra mẫu suy rộng cho từng nhóm thủy sản (nhóm thủy sản gồm: thủy sản nước mặn còn lại; thủy sản nước lợ còn lại; thủy sản nước ngọt còn lại; và thủy sản khác nuôi cùng loại thủy sản trọng điểm) của tỉnh theo từng hình thức nuôi và phương thức nuôi như: nuôi ao (thâm canh, bán thâm canh; quảng canh, quảng canh cải tiến); nuôi đàng quàng/vèo; nuôi trong ruộng lúa và nuôi khác.

- Tính năng suất bình quân của mẫu điều tra theo nhóm thủy sản:

$$\bar{y}_i = \frac{\sum_{j=1}^n S_{ij}}{\sum_{j=1}^n d_{ij}} \times 10 \quad (\text{tấn/ha})$$

Trong đó:  $\bar{y}_i$ : Năng suất thu hoạch bình quân 1 ha của nhóm thủy sản i (thủy sản nước mặn còn lại; thủy sản nước lợ còn lại; thủy sản nước ngọt còn lại; thủy sản khác nuôi cùng thủy sản trọng điểm) của mẫu điều tra.

$S_{ij}$ : Sản lượng thu hoạch nhóm thủy sản i của hộ mẫu j (đơn vị tính: kg);

$d_{ij}$ : Diện tích thu hoạch nhóm thủy sản i của hộ mẫu j (đơn vị tính: m<sup>2</sup>).

- Suy rộng sản lượng nhóm thủy sản nuôi trồng cho tỉnh theo công thức:

$$S'_i = \bar{y}_i * D'_i \quad (\text{tấn})$$

Trong đó:  $S'_i$ : Sản lượng thủy sản nuôi trồng suy rộng theo nhóm thủy sản i của toàn tỉnh;

$D'_i$ : Diện tích thu hoạch nhóm thủy sản i của toàn tỉnh (đơn vị tính: ha).

- Phân bổ sản lượng của nhóm thủy sản nuôi trồng theo loại thủy sản:

$$S_k = S'_i * f_k \quad (k=\overline{1, m})$$

Trong đó:

$S_k$ : Sản lượng nuôi trồng của loại thủy sản k;

$f_k$ : Tỷ trọng sản lượng loại thủy sản k trong sản lượng nuôi trồng của nhóm thủy sản i của mẫu điều tra (không bao gồm sản lượng loài nuôi chính)

## b) Đối với thủy sản nuôi lồng, bè

### (1) Suy rộng sản lượng thủy sản trọng điểm nuôi lồng, bè

- Tính năng suất bình quân của mẫu điều tra theo loại thủy sản trọng điểm

$$\bar{z}_i = \frac{\sum_{j=1}^n S_{ij}}{\sum_{j=1}^n v_{ij}} \times \frac{1}{1000} \quad (\text{tấn/m}^3)$$



*Trong đó:*

$\bar{z}_i$  : Năng suất thu hoạch bình quân 1 m<sup>3</sup> của thủy sản trọng điểm i;

$S_{ij}$  : Sản lượng thu hoạch thủy sản trọng điểm i của hộ mẫu j (đơn vị tính: kg).

$v_{ij}$  : Thể tích lồng, bè thu hoạch thủy sản trọng điểm i của hộ mẫu j (đơn vị tính: m<sup>3</sup>).

- Suy rộng sản lượng thủy sản trọng điểm nuôi lồng, bè của toàn tỉnh:

$$S_i = \bar{z}_i * V_i \quad (\text{tấn})$$

*Trong đó:*

$S_i$  : Sản lượng thủy sản trọng điểm i nuôi lồng, bè của toàn tỉnh;

$V_i$  : Thể tích lồng, bè thu hoạch thủy sản trọng điểm i của toàn tỉnh (đơn vị tính: m<sup>3</sup>)

## **(2) Suy rộng sản lượng thủy sản còn lại nuôi lồng, bè**

Sản lượng thủy sản còn lại nuôi lồng, bè được suy rộng theo từng loại hình mặt nước nuôi (nước mặn, nước lợ, nước ngọt).

- Tính năng suất thu hoạch đối với nhóm thủy sản còn lại nuôi lồng, bè

$$\bar{g}_i = \frac{\sum_{j=1}^n S_{ij}}{\sum_{j=1}^n v_{ij}} \times \frac{1}{1000} \quad (\text{tấn/m}^3)$$

*Trong đó:*

$\bar{g}_i$  : Năng suất thu hoạch bình quân 1 m<sup>3</sup> của nhóm thủy sản còn lại i (thủy sản còn lại nuôi lồng, bè nước mặn; thủy sản còn lại nuôi lồng, bè nước lợ; thủy sản còn lại nuôi lồng, bè nước ngọt)

$S_{ij}$  : Sản lượng thu hoạch nhóm thủy sản i của hộ mẫu j (đơn vị tính: kg).

$v_{ij}$  : Thể tích lồng, bè thu hoạch nhóm thủy sản i của hộ mẫu j (đơn vị tính: m<sup>3</sup>).

- Suy rộng sản lượng nhóm thủy sản còn lại nuôi lồng, bè của toàn tỉnh

$$S'_i = \bar{g}_i * V_i \quad (\text{tấn})$$

*Trong đó:*  $S'_i$  : Sản lượng nhóm thủy sản i nuôi lồng/bè của toàn tỉnh;

$V_i$  : Thể tích lồng, bè thu hoạch nhóm thủy sản i của toàn tỉnh (đơn vị tính: m<sup>3</sup>)

- Phân bổ sản lượng của nhóm thủy sản còn lại nuôi lồng, bè theo loại thủy sản của toàn tỉnh:

$$S_k = S'_i * f_k \quad (k=\overline{1, m})$$

*Trong đó:*

$S_k$ : Sản lượng thủy sản k nuôi lồng, bè của tỉnh

$f_k$ : Tỷ trọng sản lượng loại thủy sản k trong sản lượng nuôi lồng, bè của nhóm thủy sản i của mẫu điều tra (không bao gồm sản lượng của loài nuôi chính)

### **c) Tổng hợp sản lượng thủy sản nuôi trồng toàn tỉnh**

Sản lượng thủy sản nuôi trồng của toàn tỉnh được tổng hợp theo từng loại thủy sản phân theo loại mặt nước nuôi trồng (nước mặn, nước lợ, nước ngọt) và phân theo loại hình kinh tế dựa trên:

- Kết quả suy rộng sản lượng thủy sản nuôi trồng của điều tra mẫu;
- Kết quả tổng hợp sản lượng thủy sản điều tra toàn bộ trên địa bàn tỉnh.

### **7.2.3. Suy rộng sản lượng thủy sản khai thác**

#### **a) Đối với thủy sản khai thác nội địa**

- *Tính sản lượng thủy sản khai thác nội địa bình quân 1 hộ của mẫu điều tra*

$$\bar{q}_i = \frac{1}{n} \sum_{j=1}^n q_{ij} * \frac{1}{1000} \quad (\text{tấn/hộ})$$

*Trong đó:*

$\bar{q}_i$ : Sản lượng thủy sản loại i khai thác nội địa bình quân 1 hộ mẫu;

$q_{ij}$ : Sản lượng thủy sản loại i khai thác nội địa của hộ mẫu j (đơn vị tính: kg);

n: Số hộ mẫu điều tra khai thác thủy sản nội địa.

- *Suy rộng sản lượng thủy sản khai thác nội địa cho toàn tỉnh theo công thức:*

$$Q_i = \bar{q}_i * N \quad (\text{tấn})$$

*Trong đó:*

+  $Q_i$ : Sản lượng thủy sản loại i khai thác nội địa của toàn tỉnh;

+ N: Tổng số hộ khai thác thủy sản nội địa của toàn tỉnh.

#### **b) Đối với thủy sản khai thác biển**

##### **(1) Khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện cơ giới**

- *Tính sản lượng khai thác bình quân 1 hộ của mẫu điều tra*

$$\bar{q}_i = \frac{1}{n} \sum_{j=1}^n q_{ij} * \frac{1}{1000} \quad (\text{tấn/hộ})$$

*Trong đó:*

$\bar{q}_i$ : Sản lượng thủy sản biển loại i khai thác không dùng phương tiện cơ giới bình quân 1 hộ mẫu;

$q_{ij}$ : Sản lượng thủy sản biển loại i khai thác không dùng phương tiện cơ giới của hộ mẫu j (đơn vị tính: kg);

n: Số hộ mẫu khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện cơ giới.

- Suy rộng sản lượng thủy sản biển khai thác không dùng phương tiện cơ giới cho toàn tỉnh theo công thức:

$$Q_i = \bar{q}_i * N \quad (\text{tấn})$$

*Trong đó:*

+  $Q_i$ : Sản lượng thủy sản biển loại i khai thác không dùng phương tiện cơ giới của toàn tỉnh;

+ N: Tổng số hộ khai thác thủy sản biển không dùng phương tiện cơ giới của toàn tỉnh.

## **(2) Khai thác thủy sản biển bằng tàu/thuyền có động cơ**

### **Sản lượng thủy sản khai thác biển của 1 nhóm nghề - công suất**

Công thức tính:

$$S = \bar{s} \times N_{hd} \times H_{hd} \times T$$

*Trong đó:*

S: Sản lượng thủy sản khai thác của các tàu/thuyền trong 1 nhóm nghề - công suất.  
Đơn vị tính: kg;

$\bar{s}$ : Sản lượng khai thác trung bình một ngày của một tàu/thuyền trong 1 nhóm nghề - công suất. Đơn vị tính: kg/tàu/ngày;

$N_{hd}$ : Số ngày các tàu/thuyền khai thác thủy sản có thể đi biển trong một tháng.

$N_{hd} =$  Số ngày dương lịch trong tháng – số ngày tất cả các tàu/thuyền không đi biển trong tháng.

**Lưu ý:** Trong tháng có thể có một số ngày tất cả các tàu/thuyền không đi biển do một số nguyên nhân như vào ngày nghỉ lễ, tết; những ngày thời tiết không thuận lợi,..., những ngày này sẽ bị loại ra khi tính ngày hoạt động tàu. Số ngày hoạt động sẽ phụ thuộc theo từng nghề khai thác, từng khu vực địa lý. Ví dụ: Với nghề khai thác sử dụng ánh sáng thì ngư dân sẽ không hoạt động vào những ngày sáng trăng, còn các nghề khác vẫn hoạt động bình thường hoặc mưa bão chỉ ảnh hưởng đến một khu vực nhất định, những khu vực nằm ngoài vùng ảnh hưởng ngư dân vẫn đi biển bình thường.

$H_{hd}$ : Hệ số hoạt động tàu/thuyền là xác suất để một tàu/thuyền khai thác thủy sản có thể đi biển vào một ngày bất kỳ trong tháng.

$$H_{hd} = \frac{\text{Tổng số ngày có đi biển khai thác trong tổng số ngày điều tra của tất cả tàu mẫu trong tháng.}}{\text{Tổng số ngày điều tra của tất cả tàu mẫu trong tháng}}$$

T: Tổng số tàu của 1 nhóm nghề - công suất của toàn tỉnh.

Công thức tính sản lượng thủy sản khai thác biển có thể viết như sau:

Sản lượng khai thác của 1 nhóm nghề - công suất (kg)	=	Sản lượng khai thác bình quân 1 ngày của 1 tàu (kg/ngày.tàu)	x	Số ngày tàu có thể đi biển trong 1 tháng (ngày)	x	Hệ số hoạt động của tàu	x	Tổng số tàu của nhóm nghề - công suất (tàu)
				⏟				
Sản lượng khai thác của 1 nhóm nghề - công suất (kg)	=	Sản lượng khai thác bình quân 1 ngày của 1 tàu (kg/ngày.tàu)	x	Số ngày 1 tàu đi biển trong 1 tháng (ngày)	x	Tổng số tàu của nhóm nghề - công suất (tàu)		
				⏟				
Sản lượng khai thác của 1 nhóm nghề - công suất (kg)	=	Sản lượng khai thác bình quân 1 ngày của 1 tàu (kg/ngày.tàu)	x	Số ngày đi biển của các tàu trong nhóm nghề - công suất (ngày.tàu)				

Sau khi tính sản lượng thủy sản khai thác biển của nhóm nghề - công suất, ta tính toán các chỉ tiêu tiếp theo: Sản lượng khai thác biển theo loại thủy sản, theo nghề khai thác và tổng sản lượng thủy sản khai thác biển của toàn tỉnh.

### **Phân bổ sản lượng thủy sản khai thác biển theo loại thủy sản của một nhóm nghề - công suất**

Công thức tính:

$$S_k = f_k \times S \quad (k=\overline{1, m})$$

*Trong đó:*  $S_k$ : Sản lượng khai thác của loại thủy sản biển k;

$f_k$ : Tỷ trọng của loại thủy sản k trong tổng sản lượng khai thác của một nhóm nghề - công suất. Tỷ trọng này tính toán từ kết quả điều tra mẫu của một nhóm nghề - công suất.

### **Sản lượng thủy sản khai thác biển theo nghề**

Công thức:

$$S_i = \sum_{j=1}^6 S_{ij}$$

Trong đó:  $S_i$ : Tổng sản lượng khai thác của nghề i;

$S_{ij}$ : Sản lượng khai thác của nghề i, nhóm công suất j.

### **Sản lượng thủy sản khai thác biển bằng tàu/thuyền có động cơ của toàn tỉnh**

Từ các kết quả tính toán trên, sản lượng thủy sản khai thác biển bằng tàu/thuyền có động cơ trong tháng của tỉnh được tính theo công thức sau:

$$S = \sum_{i=1}^6 S_i$$

S: Sản lượng thủy sản khai thác biển bằng tàu/thuyền có động cơ của tỉnh;

$S_i$ : Sản lượng thủy sản biển khai thác của nghề i.

### **(3) Tổng hợp sản lượng thủy sản khai thác biển cho tỉnh**

Tổng sản lượng thủy sản khai thác biển toàn tỉnh trong năm	=	Sản lượng thủy sản khai thác biển không dùng phương tiện cơ giới	+	Sản lượng thủy sản khai thác biển bằng tàu/thuyền có động cơ
------------------------------------------------------------	---	------------------------------------------------------------------	---	--------------------------------------------------------------

#### **7.2.3. Tổng hợp kết quả điều tra**

Kết quả điều tra được tổng hợp theo hệ thống biểu đầu ra cho toàn bộ các nội dung điều tra, bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh thuộc lĩnh vực thủy sản. Hệ thống biểu tổng hợp do Tổng cục Thống kê biên soạn được cài đặt trong phần mềm xử lý kết quả điều tra thủy sản.

### **8. Kế hoạch tiến hành điều tra**

#### **Bước 1. Chuẩn bị điều tra**

- Thời gian thực hiện 30 ngày trước thời điểm điều tra;
- Nội dung thực hiện:
  - + Bổ sung, sửa đổi phương án điều tra (nếu có); triển khai hướng dẫn phương án điều tra ở cấp tỉnh/huyện; rà soát các đơn vị điều tra; chọn mẫu điều tra; in phương án và phiếu điều tra;
  - + Xây dựng và cập nhật hệ thống biểu đầu ra, chương trình phần mềm nhập tin, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố và toàn quốc;
  - + Lựa chọn điều tra viên, giám sát viên các cấp theo tiêu chuẩn quy định. Bên cạnh những tiêu chuẩn chung, cần chú ý lựa chọn những người nắm rõ tình hình sản xuất thủy sản tại địa bàn, như cán bộ khuyến ngư, trưởng thôn,... Đối với điều tra mẫu sản lượng thủy sản khai thác biển, cần lựa chọn những người nắm rõ

đặc tính nghề nghiệp khai thác biển tại địa bàn như những người đã từng tham gia khai thác biển hoặc có người nhà tham gia khai thác biển;

+ Tập huấn điều tra viên, giám sát viên các cấp (nếu có).

### ***Bước 2. Triển khai điều tra***

- Đối với kỳ điều tra 01/6 và kỳ điều tra 01/12

+ Điều tra các phiếu tình hình cơ bản về nuôi trồng và khai thác thủy sản; tổng hợp các biểu trung gian; lập bảng kê và chọn mẫu điều tra: Thực hiện 15 ngày trước thời điểm điều tra;

+ Điều tra các phiếu còn lại: Thực hiện 10 ngày từ thời điểm điều tra;

- Đối với kỳ điều tra tháng: Thời gian thực hiện mỗi tháng 10 ngày rải đều các ngày trong tháng.

### ***Bước 3. Nghiệm thu, nhập tin, xử lý tổng hợp số liệu***

- Thời gian thực hiện

+ Đối với kỳ điều tra 01/6 và kỳ điều tra 01/12: 25 ngày sau khi kết thúc thu thập số liệu;

+ Đối với kỳ điều tra tháng: 15 ngày sau khi kết thúc thu thập số liệu.

- Nội dung thực hiện: Kiểm tra, làm sạch, đánh mã các phiếu điều tra; nghiệm thu số lượng và chất lượng phiếu điều tra; nhập tin số liệu điều tra; xử lý, kiểm tra số liệu nhập tin, tổng hợp số liệu, báo cáo giải trình và truyền kết quả nhập tin về Tổng cục Thống kê.

### ***Bước 4. Tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra***

10 ngày sau khi nhận kết quả của các Cục Thống kê, Tổng cục Thống kê tổng hợp, phân tích và công bố kết quả điều tra.

## **9. Tổ chức điều tra**

### **9.1. Cấp Trung ương**

(1) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn và kiểm tra, giám sát thực hiện cuộc điều tra theo quy định của Phương án này;

(2) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản bảo đảm kinh phí điều tra, hướng dẫn định mức chi tiêu cho các Cục Thống kê, cấp phát kinh phí; hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được cấp;

(3) Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê hướng dẫn và thực hiện việc kiểm tra, giám sát, thanh tra cuộc điều tra này;

(4) Vụ Phương pháp chế độ Thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì và phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản lựa chọn đơn vị xây dựng phần mềm nhập tin. Đơn vị viết phần mềm cập nhật và hướng dẫn sử dụng chương trình nhập tin, kiểm tra logic, tổng hợp kết quả điều tra, đảm bảo sử dụng được cho cuộc điều tra này.

## **9.2. Cấp địa phương**

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc triển khai thực hiện cuộc điều tra theo phương án quy định, đảm bảo chất lượng thông tin thu thập, quản lý và sử dụng kinh phí điều tra đúng chế độ, hiệu quả;

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường kiểm tra, giám sát để nâng cao chất lượng thông tin và tiến hành phúc tra đối với những địa bàn và đơn vị có tăng giảm đột biến về năng suất thu hoạch, sản lượng thủy sản, hoặc có biểu hiện vi phạm phương pháp điều tra. Kết quả phúc tra là căn cứ để đánh giá chất lượng số liệu điều tra.

## **10. Kinh phí và các điều kiện vật chất cho điều tra**

Kinh phí điều tra từ nguồn ngân sách Nhà nước do Tổng cục Thống kê phân bổ trong kinh phí điều tra thường xuyên để thực hiện những nội dung theo phương án điều tra. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính về quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Thống kê.

Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được phân bổ theo chế độ tài chính hiện hành, đảm bảo điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

  
**TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
Nguyễn Bích Lâm